CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Xây dựng số 9 - VC9

Ngày 30/09/2024	4,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.4%	**-4.4%**	**-**

DT thuần
Q3/24
49.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.60| -10.2%
YoY: ▼41.9| -46.0%

LN thuần
Q3/24
0.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.14| 30.7%
YoY: ▲ 0.66| 940%

LN sau thuế
Q3/24
0.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.33| -85.1%
YoY: ▼0.06| -51.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
4.9%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE (TTM)
Q3/24
2.3%
YoY: +/-▼ 1.7%

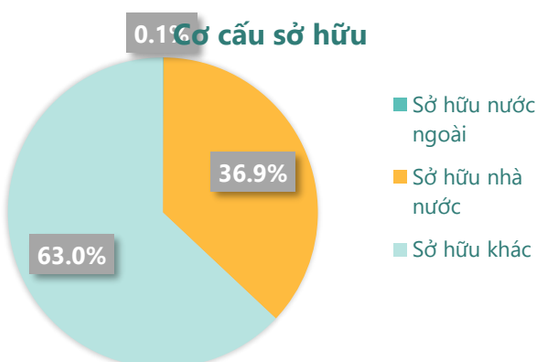
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,800 - 6,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	72
Số lượng CPLH (CP)	16,695,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,305
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.69
EPS	86
P/E	49.8

DT thuần
9T 2024
158
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.00| -5.5%

LN thuần
9T 2024
1.38
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.08| 5.9%

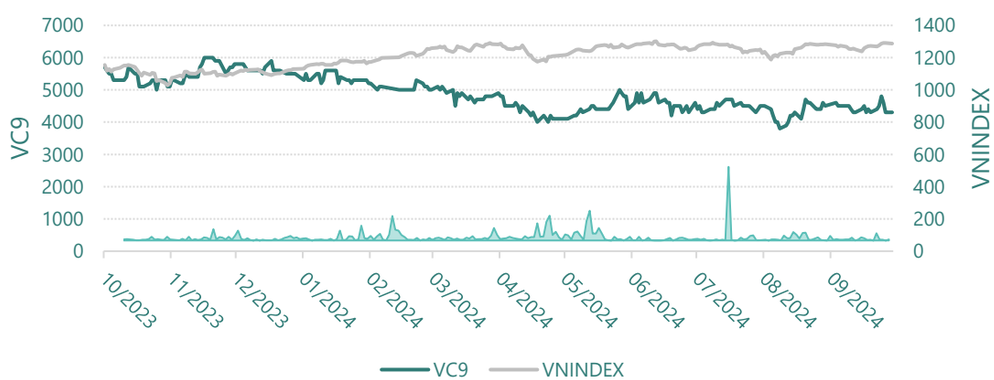
LN sau thuế
9T 2024
0.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.04| 8.4%

Cơ cấu sở hữu

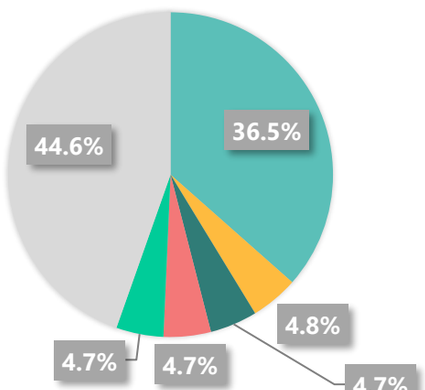


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



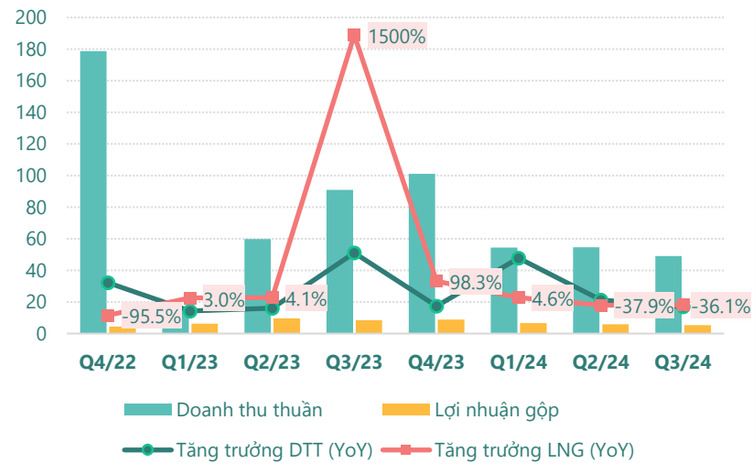
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

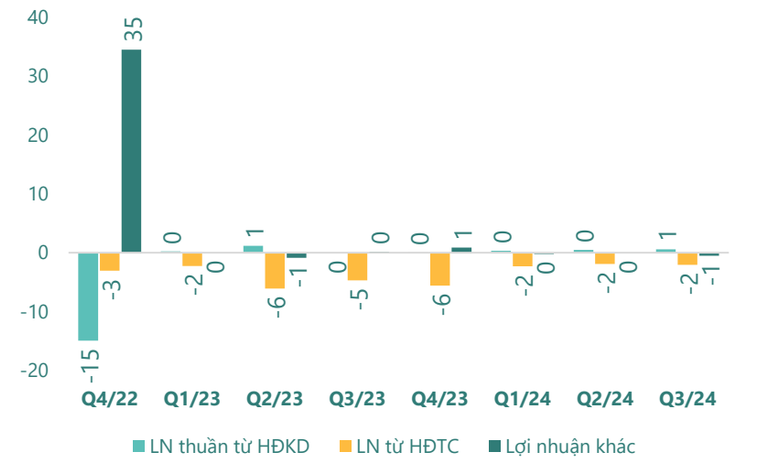
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



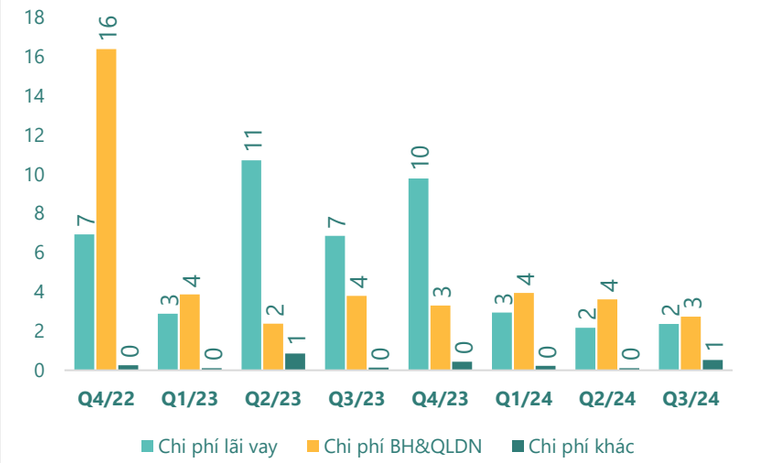
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



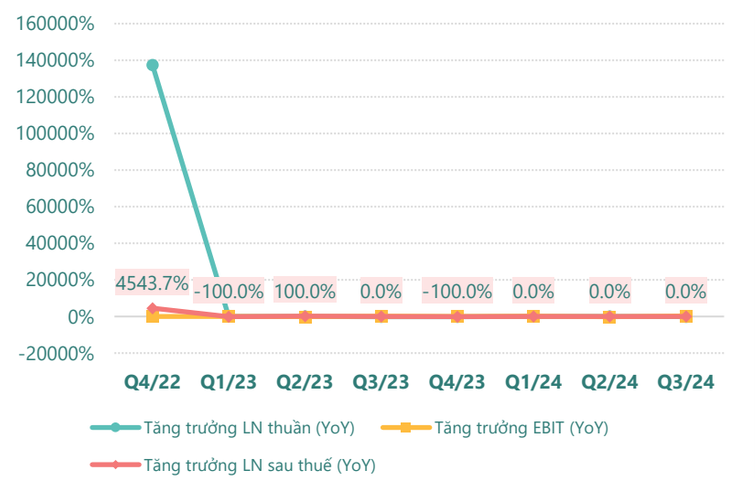
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



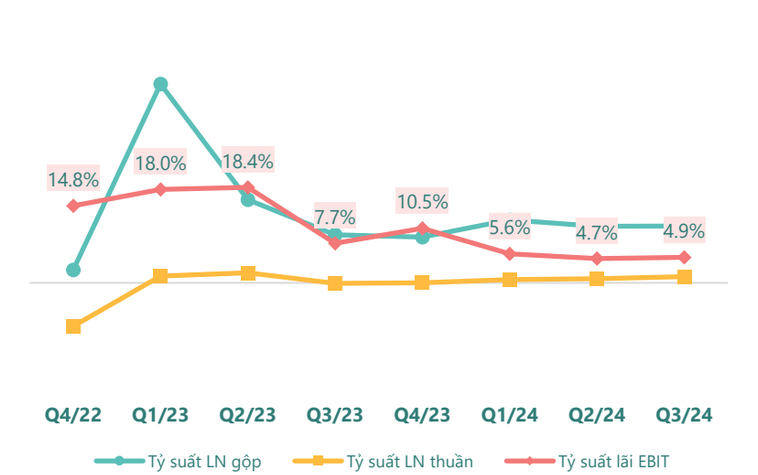
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



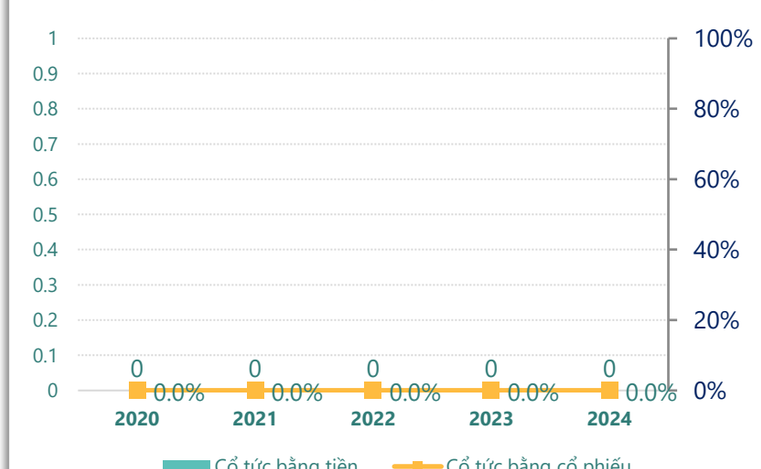
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

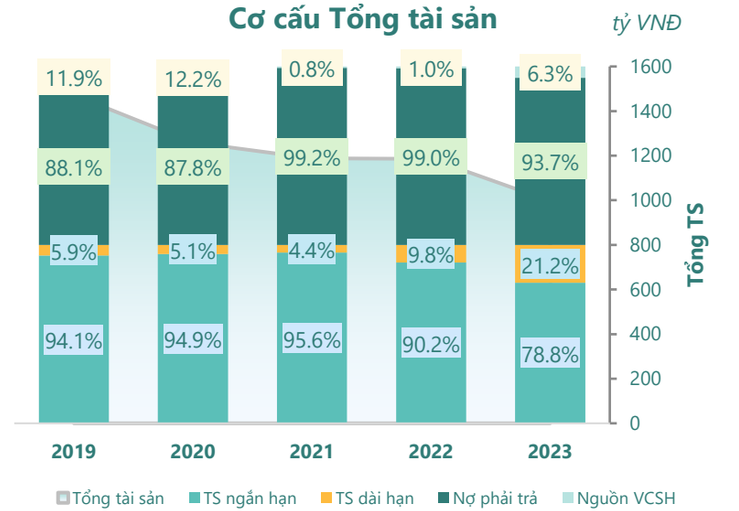
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

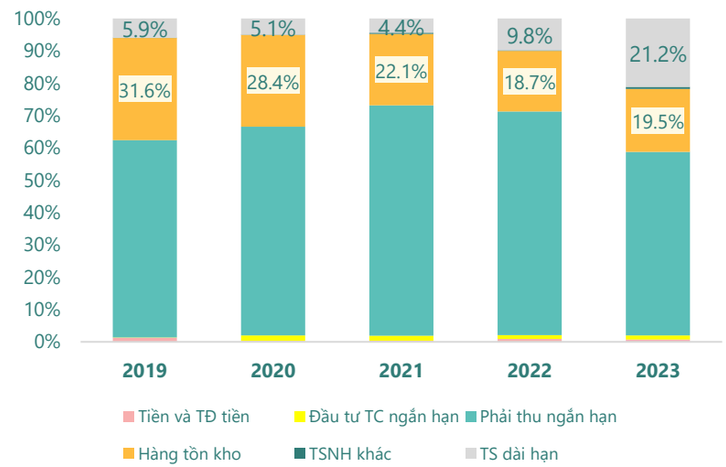
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



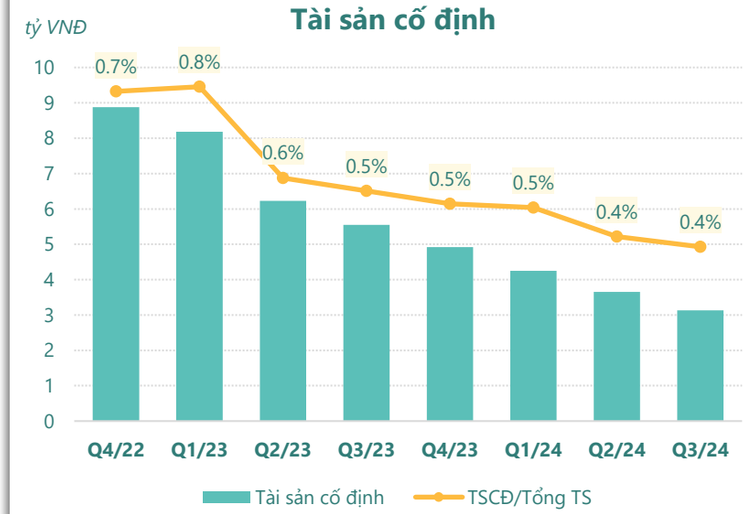
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



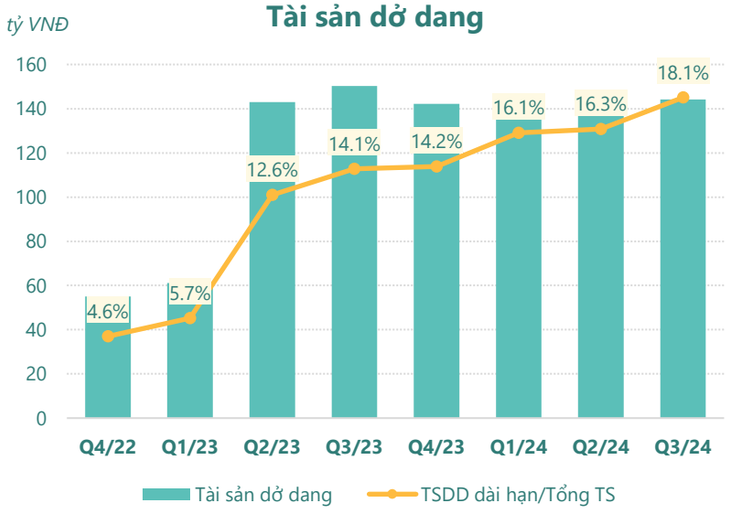
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



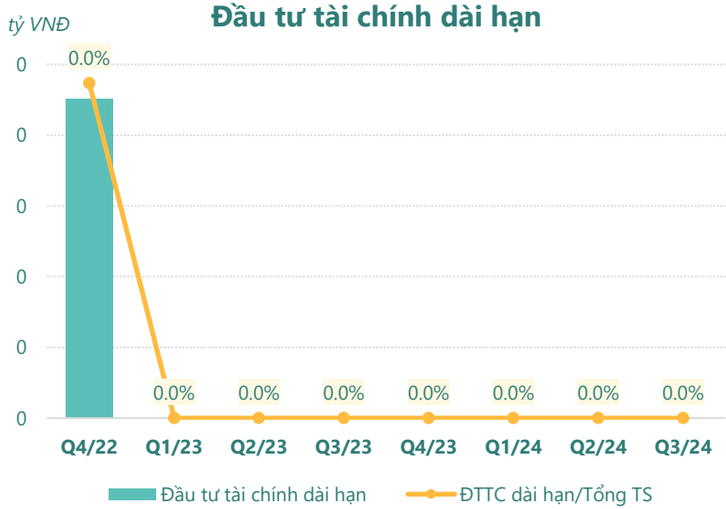
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



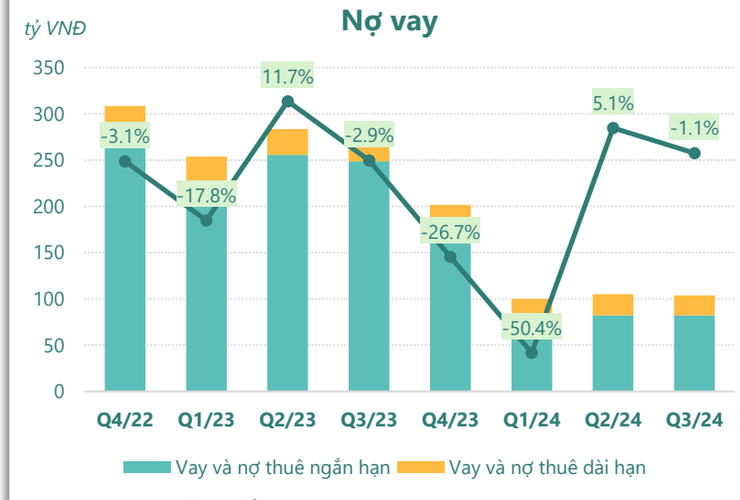
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

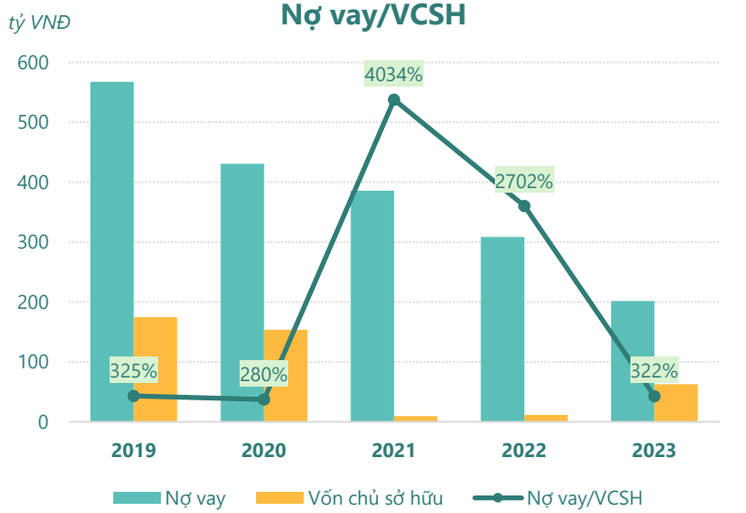
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

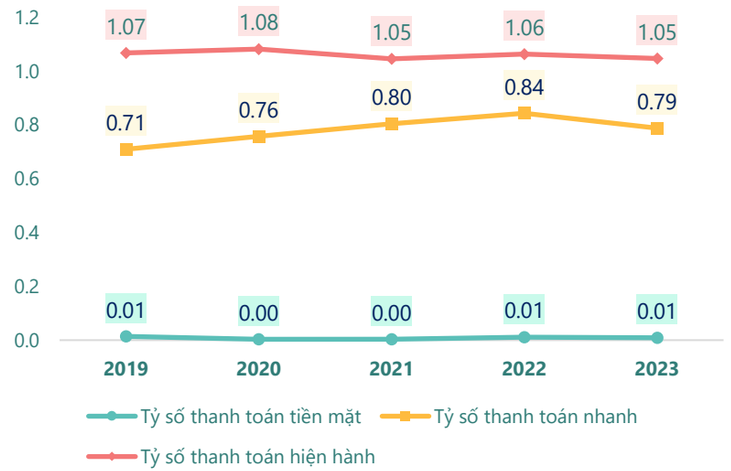
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



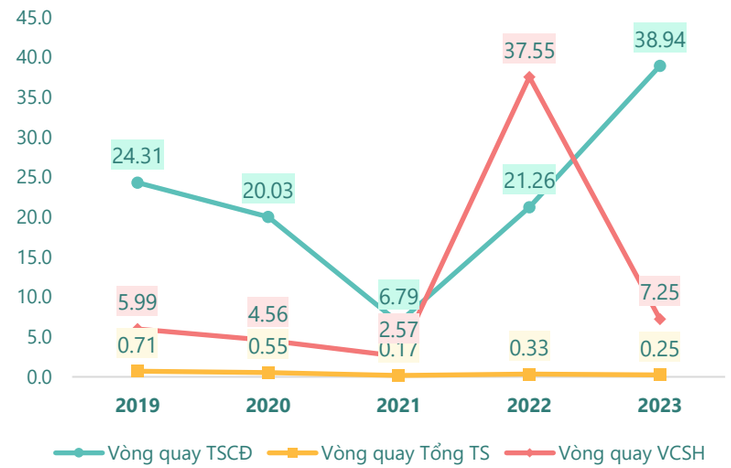
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



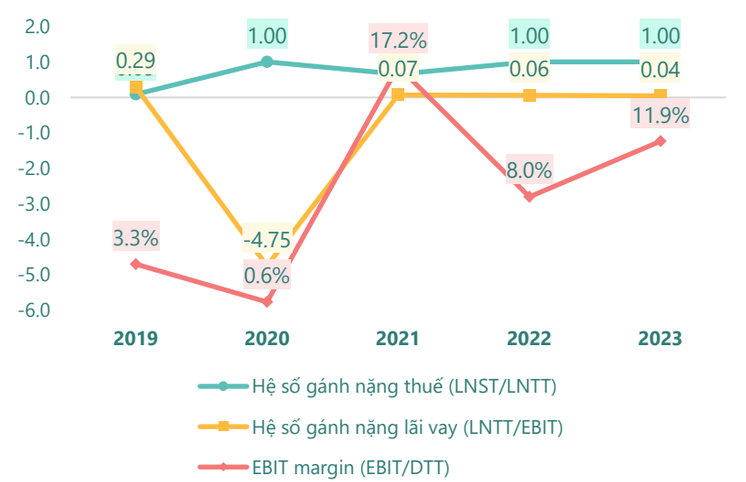
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



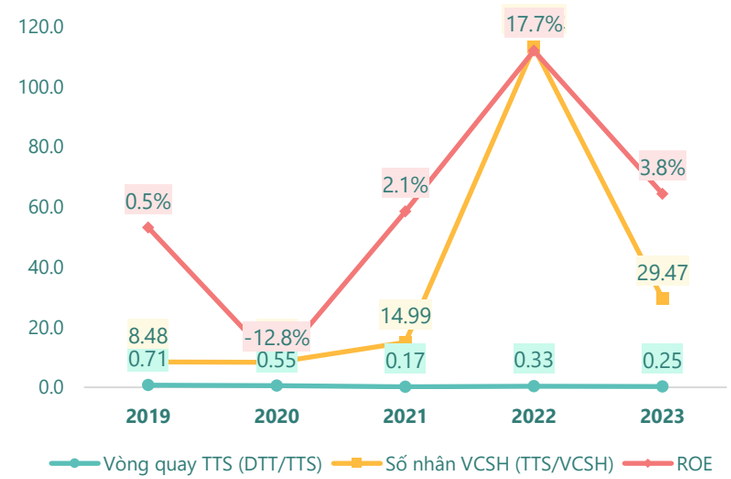
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



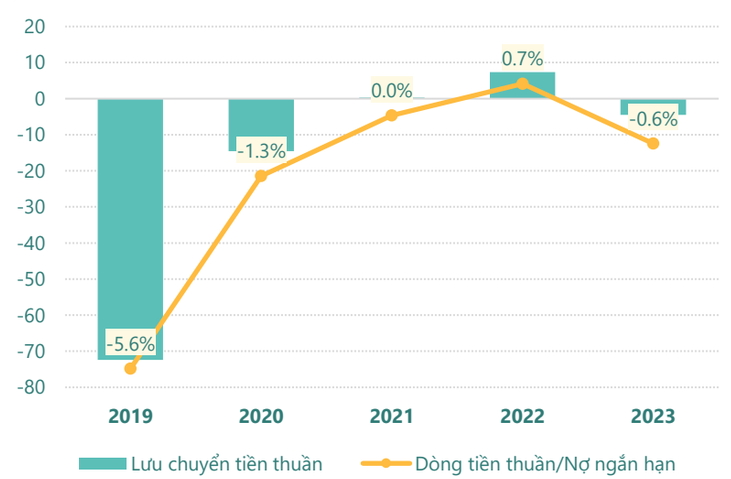
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**49.1**	**91.0**	**-46.0%**	**158**	**167**	**-5.5%**
Giá vốn hàng bán	43.7	82.6	-47.1%	140	143	-2.0%
Lợi nhuận gộp	5.38	8.42	-36.1%	18.0	24.4	-26.2%
Doanh thu HĐTC	0.32	2.16	-85.4%	1.20	7.42	-83.9%
Chi phí TC	2.37	6.85	-65.4%	7.48	20.5	-63.4%
Chi phí lãi vay	2.37	6.85	-65.4%	7.48	20.5	-63.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.74**	**3.80**	**-27.9%**	**10.3**	**10.0**	**2.7%**
LN thuần từ HĐKD	0.59	-0.07	940%	1.38	1.30	5.9%
Lợi nhuận khác	**-0.53**	**0.19**	**-379%**	**-0.81**	**-0.78**	**-4.3%**
LN trước thuế	0.06	0.12	-51.5%	0.57	0.53	8.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.06**	**0.12**	**-51.5%**	**0.57**	**0.53**	**8.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.06**	**0.12**	**-51.5%**	**0.57**	**0.53**	**8.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-29.0	34.5	-18.3	93.5	-11.9	-15.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.57	-76.1	97.1	6.64	4.31	15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	29.7	41.5	-73.4	-102	5.07	-1.19
Tiền đầu kỳ	5.18	1.34	1.32	6.76	5.21	2.67
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.84**	**-0.02**	**5.44**	**-1.55**	**-2.54**	**-0.70**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.34	1.32	6.76	5.21	2.67	1.97

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**795**	**996**	**-20.2%**
Tài sản ngắn hạn	586	786	-25.4%
Tiền và tương đương tiền	1.97	6.76	-70.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.3	13.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	348	565	-38.4%
Hàng tồn kho	212	195	8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	11.2	5.87	91.0%
Tài sản dài hạn	**209**	**211**	**-0.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.13	4.92	-36.2%
Bất động sản đầu tư	6.43	6.58	-2.2%
Tài sản dở dang	144	142	1.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**55.4**	**57.1**	**-2.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	732	934	-21.6%
Nợ ngắn hạn	**583**	**750**	**-22.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	82.2	176	-53.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	217	236	-8.0%
Nợ dài hạn	149	184	-18.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.6	25.2	-14.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**63.2**	**62.6**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**63.2**	**62.6**	**0.9%**
Vốn điều lệ	170	170	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)